TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 07-5-2025
V/v "Tranh chấp Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Lê Văn Đô

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp *"Kiện đòi tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-DS ngày 14/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST- DS ngày 11/4/2025 giữa:

***Nguyên đơn:** Ông Lê Thanh N, sinh năm 1976 (vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của ông N:
Bà Võ Thị An B, sinh năm 1982 (có mặt)
Nơi cư trú: Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ liên hệ: Số I, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)*
Nơi cư trú: Số nhà A, đường V, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
-Bà Vy Thúy K, sinh năm 1976 (vợ ông N) (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Số A đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
-Anh Phạm Duy H1, sinh năm 1983 (chồng chị H) (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Số nhà A, đường V, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị An B trình bày: Bà yêu cầu cá nhân chị Nguyễn Thị H phải hoàn trả ông Lê Thanh N khoản tiền gốc đã chuyển tổng 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi tính từ 01/4/2023 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 20%/năm. Bà xác định đây là tiền riêng

của cá nhân ông N và là nợ riêng của cá nhân chị H và đề nghị Tòa án không đưa anh Phạm Duy H1, sinh năm 1983 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bà B có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc và xin rút đối với yêu cầu trả tiền lãi.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Thanh N có mối quan hệ quen biết với nhau. Đến cuối năm 2021, chị có làm cho Công ty Cổ phần X với vai trò là Giám Đốc Văn Phòng đại diện của Bắc Ninh. Trong quá trình chị làm văn phòng đó và anh N nhiều lần xuống văn phòng chị thăm, trao đổi với chị và tìm hiểu về Công ty chị đang làm việc, nên anh N có nhờ chị đứng tên giúp anh N đầu tư vào Công ty chị để thu lợi nhuận. Sau đó anh N đã nhờ chuyển tiền qua tài khoản của chị để đầu tư vào Công ty. Nội dung chuyển khoản cho chị, anh N cũng ghi rõ là gửi em H đầu tư CCV. Sau khi anh N chuyển tiền vào tài khoản của chị thì chị đã chuyển toàn bộ số tiền đó về Công ty; số tiền của anh N được ghép hợp đồng để anh N được hưởng quyền lợi tốt nhất lúc đó. Cụ thể tổng số tiền anh N chuyển nhờ vào số tài khoản của chị tổng là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và hưởng lợi nhuận theo hợp đồng đến cuối tháng 3 năm 2023 vì lý do công ty hoạt động thua lỗ nên không trả được lợi nhuận cho khách hàng. Anh N không ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần X, mà gửi tiền thông qua cá nhân chị để đầu tư tiền lấy lợi nhuận vào Công ty Cổ phần X; Địa chỉ số H D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Chị xác định là chị không vay tiền của anh N, mà do anh N chuyển tiền nhờ chị đầu tư góp vốn với Công ty Cổ phần X để mục đích lấy lợi nhuận. Khi anh N chuyển tiền cho chị thì chị là người đứng 02 hợp đồng đầu tư, còn lại chị nhờ người khác đứng tên đứng hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư. Chị xác định đây là nợ riêng của cá nhân chị và đề nghị Tòa án không đưa anh Phạm Duy H1, sinh năm 1983 là chồng chị vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nay anh Lê Thanh N buộc chị trả cho anh N số tiền đã nhận là 2.950.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì chị xác định chị không vay tiền của ông N nên không đồng ý trả lãi, còn số tiền gốc thì chị đồng ý trả cho anh N 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) với điều kiện là khi nào chị đòi được tiền của công ty thì chị trả.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vy Thúy K (vợ anh N) trình bày: Chị xác định số tiền anh N cho chị H vay là tiền riêng của cá nhân anh N, không phải tài sản chung của vợ chồng, chị xin được vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy H1 (chồng chị H) trình bày: Việc thoả thuận giữa chị H với anh N như thế nào anh không được biết cho đến khi anh nhận được thông báo của Toà án. Anh xác định chị H không vay tiền của anh N và anh xin được vắng mặt các buổi làm việc.

Tại phiên toà anh H1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 194 -Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh N

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Lê Thanh N số tiền gốc là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu

3. Về án phí dân sự: chị Nguyễn Thị H phải chịu 91.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Thanh N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Tại đơn khởi kiện ông Lê Thanh N khởi kiện buộc chị Nguyễn Thị H trả số tiền vay và lãi. Toà án đã thụ lý vụ án và xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, thì quan hệ pháp luật được xác định lại là quan hệ tranh chấp *"Kiện đòi tài sản"* theo Điều 166 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông N khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông tiền gốc đã chuyển tổng 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi tính từ 01/4/2023 với mức lãi suất 20%/năm cho đến ngày xét xử thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì hai bên đều xác định ông N có chuyển cho chị H số tiền

2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) qua tài khoản của chị H để đầu tư vào Công ty Cổ phần X để mục đích lấy lợi nhuận. Chị H là người nhận số tiền trên và là người ký hợp đồng trực tiếp với công ty và chị là người trả lợi nhuận cho ông N từ khi ông N chuyển tiền cho đến cuối tháng 3 năm 2023, sau đó thì công ty làm ăn thua lỗ nên chị H không trả được lợi nhuận cho ông N nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, thì chị H đồng ý trả số tiền đã nhận của ông N là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn), còn số tiền lãi chị không đồng ý trả vì chị xác định chị không vay tiền. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu chị H trả cho ông N số tiền gốc 2.950.000.000 đồng. Do vậy, ông N khởi kiện buộc chị H phải trả cho ông số tiền gốc 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông N và bà K xác định là tài sản riêng của ông và là nợ riêng của cá nhân chị H, chị H và anh H1 cũng xác định là nợ riêng của chị. Do vậy, buộc cá nhân chị H phải trả cho cá nhân ông N là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết, ông N và chị H đều xác định khi ông N chuyển tiền cho chị H, thì chị H đã đầu tư cho Công ty Cổ phần X và trả lợi nhuận cho ông N đến cuối tháng 3 năm 2023 thì không trả lợi nhuận nữa. Ông N yêu cầu chị H trả lãi là 20%/năm cho đến ngày thanh toán xong, còn chị H không đồng ý trả lãi. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu trả lãi, việc rút yêu cầu là tự nguyện, nên cần đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS là phù hợp, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 166; Điều 194 -Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh N

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Thanh N số tiền gốc là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự: chị Nguyễn Thị H phải chịu 91.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Lê Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 55.317.000 đồng theo biên lai số 0004376 ngày 16/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự